TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: 140/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Nhà Bè, ngày 17 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 67/5A Khu phố 4, phường T, Quận N, Tp. H.

- Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 57/5A Khu phố N, thị trấn B, huyện B, Tp. H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn H và bà Nguyễn Kim P là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/1992 do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, Thành phố H cấp ngày 10/01/1992). Hai bên xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 15/6/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Thảo V, sinh ngày 19/6/2004; hai bên thống nhất giao trẻ Thảo V cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con : Hai bên tự thỏa thuận.

[3] Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

[4] Nợ chung: Không có nợ chung.

[5] Lệ phí Tòa án do ông Nguyễn H và bà Nguyễn Kim P mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Kim P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 15/6/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Thảo V, sinh ngày 19/6/2004 ; hai bên thống nhất giao trẻ Thảo V cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con : Hai bên tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Nợ chung: Không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Kim P mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033969 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Ông H, bà P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã thị trấn B,
huyện B, Tp.H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lựu